TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và ông **Trịnh Ngọc Thanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Xuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C**,** sinh năm 1970

Bị đơn: Bà Đặng Thị Th**,** sinh năm 1971

Cùng nơi cư trú: Ấp Thanh Thọ, xã P, huyện Tân Phú, Đồng Nai.

(Ông C, bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Th tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992. Do bận công việc và am hiểu pháp luật hạn chế nên ông và bà Th không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng ông đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên hay xảy ra cãi vã, ngoài ra bà Th có biểu hiện không chung thủy, việc này ông không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Hiện nay vợ chồng ông đã không còn sống chung với nhau. Nay ông nhận tháy tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 04 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Linh S, sinh năm 2000; Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 18/5/2003. Hiện 04 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

về nợ chung: Theo ông C, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời trình bày của bà Đặng Thị Th trong quá trình chuẩn bị xét xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th thừa nhận bà và ông C tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Vợ chồng sống chung với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên không còn sống chung với nhau. Trong thời gian này không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm không còn, ông C yêu cầu được ly hôn thì bà cũng chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng Có 04 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Linh S, sinh năm 2000; Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 18/5/2003. Hiện 04 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà Th khai không có.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); lời khai của nguyên đơn; Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn C và ông Đặng Thị Th.

Về con chung: Vợ chồng Có 04 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Linh S, sinh năm 2000; Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 18/5/2003. Hiện 04 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: đương sự khai không có, nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho các bên khi có phát sinh tranh chấp.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Th. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Đặng Thị Th có nơi cư trú tại: xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông C, bà Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông C, bà Th là vợ chồng.

[4] Về con chung: Vợ chồng Có 04 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Linh S, sinh năm 2000; Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 18/5/2003. Hiện 04 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không không xêm xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[6] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Ông C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó ông C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, điều 14, khoản 3 Điều 53, 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điều 85 luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các điều 19, 51, 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị Th là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng Có 04 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Linh S, sinh năm 2000; Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 18/5/2003. Hiện 04 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, khấu trừ vào số tiền ông C đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002276 ngày 09/02/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Ông C, bà Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Xuân (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thịnh